

QUỸ ETF SSIAM VN30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 606/2023/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023
Ha Noi, 21 March 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Name of Fund Management Company*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên tổ chức / *Organization name*: Quỹ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: FUESSV30
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 0243.9366321
- Fax: 0243.9366337
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Published by*: Bà Tô Thùy Linh
- Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám Đốc/ *COO*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo tổng kết hoạt động của Công ty quản lý quỹ năm 2022 cho Quỹ ETF SSIAM VN30/ *Operational report of SSIAM VN30 ETF 2022*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 21/03/2023 tại đường dẫn: <https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam>.

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on 21 March 2023 at: <https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Người công bố thông tin
Publisher ✓

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

Báo cáo tổng kết hoạt động của
Công ty quản lý quỹ cho Quỹ ETF
SSIAM VN30 năm 2022
Operational report of SSLAM VN30
ETF 2022



Lê Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**Năm 2022**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của Quỹ: QUỸ ETF SSIAM VN30 ("Quỹ") ("FUESSV30")

Loại hình Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

c) Thời hạn hoạt động của Quỹ: không giới hạn

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Danh mục chỉ số VN30

Mã cổ phiếu và tỷ trọng của FUESSV30 tại ngày 31/12/2022 như sau:

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
1	ACB	6,52%
2	BID	0,80%
3	BVH	0,38%
4	CTG	2,04%
5	FPT	7,43%
6	GAS	1,00%
7	GVR	0,23%
8	HDB	2,91%
9	HPG	5,97%
10	KDH	1,28%
11	MBB	4,42%
12	MSN	6,17%
13	MWG	4,89%
14	NVL	1,13%
15	PDR	0,38%
16	PLX	0,42%
17	POW	0,52%
18	SAB	1,34%
19	SSI	1,90%

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
20	STB	4,40%
21	TCB	6,12%
22	TPB	1,90%
23	VCB	4,32%
24	VHM	5,41%
25	VIB	2,28%
26	VIC	5,32%
27	VJC	3,07%
28	VNM	6,60%
29	VPB	8,10%
30	VRE	2,49%
Total		99,74%

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
 - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
- Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Nhà Đầu Tư có tên trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và ngày chi trả thì người chuyển nhượng là người được nhận lợi nhuận.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đầu kỳ	5.700.000	ccq
Tổng số lượng chứng quỹ phát hành thêm trong kỳ	100.000	ccq
Tổng số lượng chứng quỹ mua lại trong kỳ	(400.000)	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2022	5.400.000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): vui lòng xem thông báo nội dung sửa đổi Điều lệ Quỹ ETF SSIAM VN30 theo đường link sau:

<https://www.ssi.com.vn/ssiam/cong-bo-thong-tin-vn30-cbtt-chi-tiet/etf-ssiam-vn30-cong-bo-thong-tin-dieu-le-quy-da-duoc-sua-doi-bo-sung>

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): vui lòng xem Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2022 theo đường link sau:

<https://www.ssi.com.vn/ssiam/cong-bo-thong-tin-vn30-cbtt-chi-tiet/etf-ssiam-vn30-cong-bo-thong-tin-nghi-quyet-va-bien-ban-kiem-phieu-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-2022-cua-quy-etf-ssiam-vn30>

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 45/GCN-UBCK ngày 22/07/2020.

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) trên tổng tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2022:

Cơ cấu tài sản

Loại tài sản	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
1. Danh mục chứng khoán	99,74%	99,68%	99,30%
2. Tài sản khác	0,26%	0,32%	0,70%
Tổng	100,00%	100,00%	100,00%

Phân bổ theo ngành

STT	Ngành	31/12/2022 %	31/12/2021 %	31/12/2020 %
1	Bất động sản	16,00	22,16	17,93
2	Công nghệ thông tin	7,43	5,07	4,39
3	Công nghiệp	3,07	2,43	5,31
4	Dịch vụ tiện ích	1,52	1,23	1,72
5	Năng lượng	0,42	0,47	0,86
6	Tài chính	46,09	42,73	39,31
7	Tiêu dùng không thiết yếu	4,89	5,67	5,86
8	Tiêu dùng thiết yếu	14,12	11,59	14,96
9	Vật liệu	6,20	8,33	8,96
10	Tiền và tương đương tiền	0,26	0,32	0,70
	Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	66.893.727.787	108.367.940.621

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.400.000	5.700.000
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	12.387,72	19.011,91
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	19.296,10	19.475,06
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	11.161,55	12.551,37
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	12.480	19.000
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	19.260	20.850
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.890	12.900
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-34,84%	43,85%
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-36,97%	16,48%
- Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	2,13%	27,37%
2.10. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,60%	1,57%
2.11. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	9,70%	21,80%

- Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2022 tăng so với năm 2021 chủ yếu do giá trị tài sản ròng trung bình năm nay giảm so với năm trước, lớn hơn mức tăng của chi phí hoạt động của quỹ.

- Tốc độ vòng quay danh mục trong năm 2022 giảm so với năm 2021 nguyên nhân do giá trị tài sản ròng trung bình năm nay giảm so với năm trước, nhưng nhỏ hơn mức giảm của tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm nay.

- Tổng lợi nhuận của Quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
2.12. Lãi do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện	(37.536.363.023)
2.13. Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	904.830.061
2.14. Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	2.185.707.873
2.15. Tổng chi phí	(1.407.760.347)
Tổng cộng	(35.853.585.436)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của Quỹ (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Tính tới ngày lập báo cáo	Tổng lợi nhuận bình quân (VND)
i) 1 năm	(35.853.585.436)
ii) 3 năm	N/A
iii) 5 năm	N/A

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

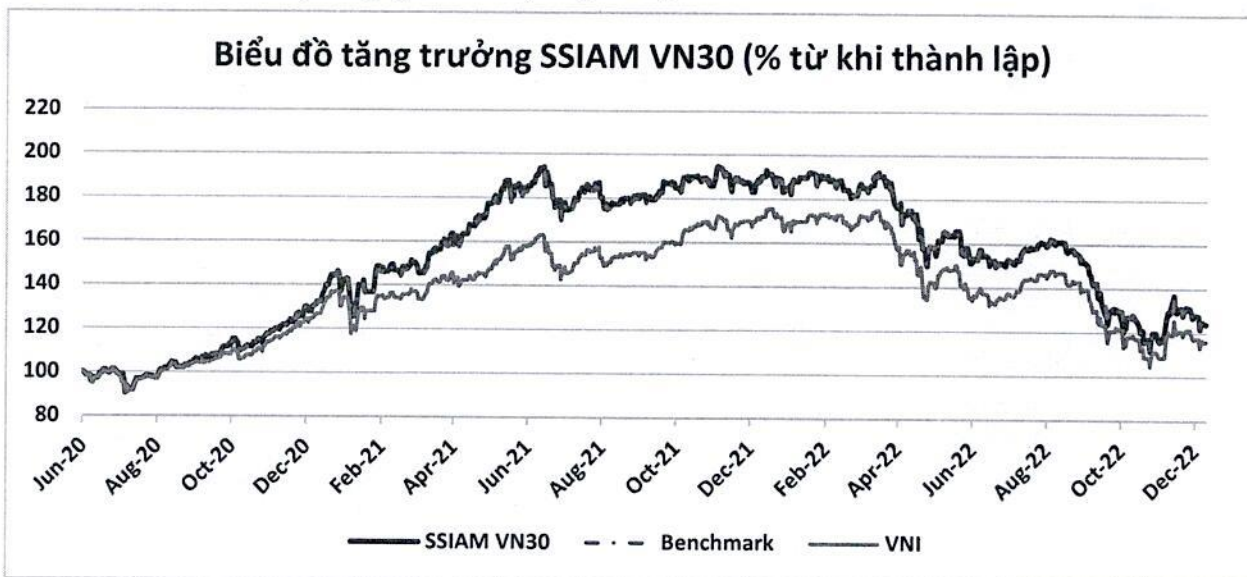
3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

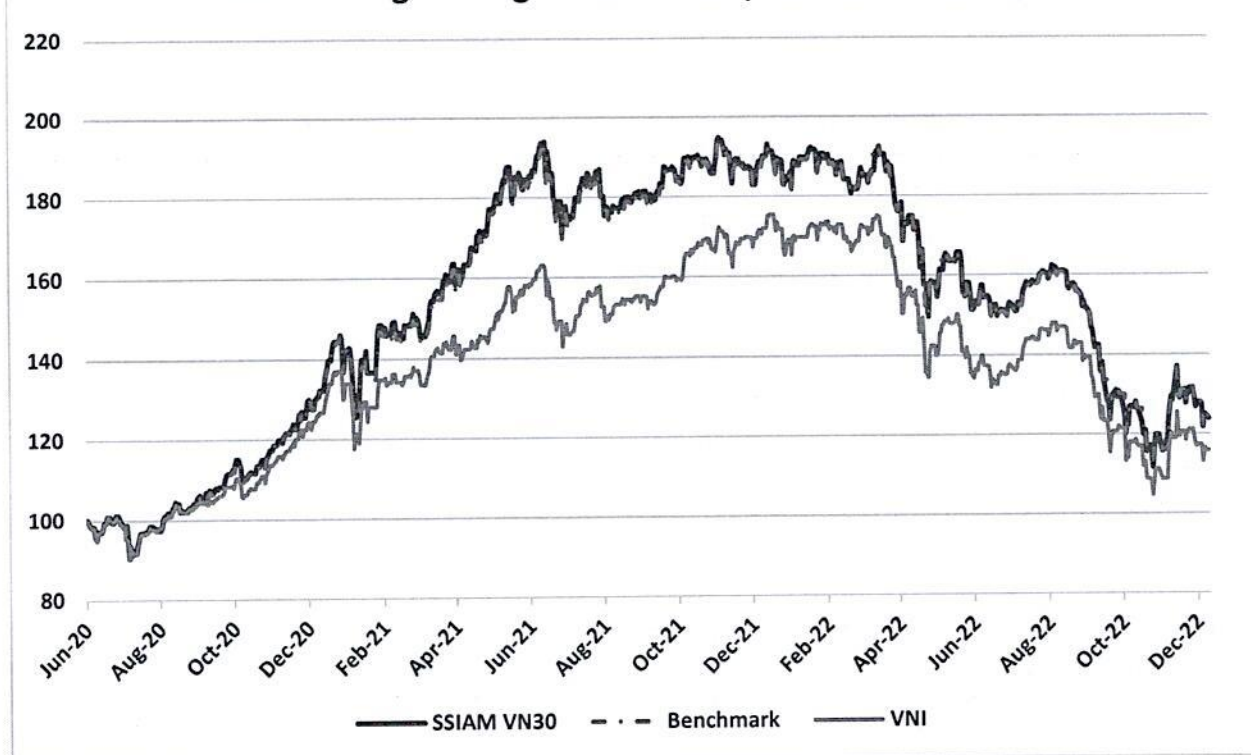
b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ): Chênh lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking error/TE) trong kỳ báo cáo không vượt mức **0,37%** đạt tiêu chí đầu tư của Quỹ.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



d) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất (*), tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

Biểu đồ tăng trưởng SSIAM VN30 (% từ khi thành lập)



(*) Quỹ kết thúc góp vốn ngày 22/06/2020

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ báo cáo, Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số VN30 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty. Quỹ đầu tư 30/30 cổ phiếu trong danh mục rõ VN30 với tỷ trọng tương ứng nhằm bám sát tỷ lệ sinh lời của chỉ số VN30.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của Quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2022 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cuối năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa 2 kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng danh mục đầu tư khi chỉ số tái cơ cấu.

g) Phân tích kết quả hoạt động của Quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2022 của Quỹ ETF SSIAM VN30 là 12.387,72 đồng giảm khoảng 34,84% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2021 là 19.011,91 đồng, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu giảm tương ứng 34,55%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap), cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa vừa (mid-cap):

Hầu hết các dự báo vào cuối năm 2021 đã không thành hiện thực trong năm 2022. Trong khi đa phần thị trường đều kỳ vọng một năm 2022 đầy thách thức sau năm 2021 rực rỡ, ít ai có thể nghĩ rằng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ chứng kiến một cơn bão như vậy. VNIndex điều chỉnh -32,78%, tương đương

với mức giảm mạnh của US Tech Nasdaq 100 kể từ năm 2008. Sự sụt giảm được ghi nhận trên diện rộng, từ nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn VN30 đến vốn hóa vừa VN70 và vốn hóa nhỏ, và trên khắp các nhóm ngành, đặc biệt là Tài chính (-25,45%, đóng góp -7,89 điểm phần trăm vào sự sụt giảm của VNI), Bất động sản (-45,92%, đóng góp -10,94 điểm phần trăm), Công nghiệp (-43,87%, đóng góp -4,33 điểm phần trăm) và Vật liệu (-50,32%, đóng góp -4,83%). Đợt điều chỉnh này đã xóa đi hầu hết những thành quả đạt được trong vòng 5 năm qua và khiến lợi nhuận quy năm trong 10 năm của VNIndex chỉ ở mức 12,2%.

	1m	3m	6m	YTD	1Y	2Y	3Y	5Y	10Y
VNIndex	-2.20%	-10.61%	-16.51%	-31.75%	-31.75%	-3.18%	3.13%	2.18%	12.21%
VN 30	-2.18%	-12.58%	-20.67%	-33.82%	-33.82%	-2.20%	5.67%	1.88%	9.96%
VNX 50	-0.54%	-11.50%	-19.49%	-37.57%	-37.57%	-3.99%	5.46%	2.99%	
VN 100	-0.01%	-12.63%	-19.89%	-35.84%	-35.84%	-2.12%	5.72%	2.25%	9.82%
Mid Cap	5.40%	-12.77%	-17.69%	-40.51%	-40.51%	3.24%	14.29%	6.57%	14.44%
Small Cap	-0.25%	-20.68%	-25.60%	-49.78%	-49.78%	1.92%	14.59%	7.42%	13.17%
VN Finlead	3.96%	-5.93%	-12.70%	-34.34%	-34.34%	3.69%	14.78%		
VN Financial Select	4.26%	-5.91%	-11.40%	-33.26%	-33.26%	6.05%	16.15%		
VN Diamond	2.56%	-9.00%	-19.61%	-20.45%	-20.45%	14.59%	17.84%		

(Nguồn: SSIAM, Bloomberg – tại ngày 31/12/2022)

	Weight	1M		3M		6M		YTD	
		Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %
VNIndex	100.00%	-3.72		-10.61		-15.08		-31.75	
Financials	39.01%	0.10	0.02	-0.49	0.18	-3.57	-0.77	-25.45	-7.89
Real Estate	18.07%	14.36	-2.87	-24.21	-5.36	-30.66	-7.03	-45.92	-10.94
Consumer Staples	12.39%	5.49	-0.70	-5.01	-0.56	-4.56	-0.53	-16.62	-1.64
Consumer Discretionary	3.22%	0.64	-0.02	-19.74	-0.79	-28.61	-1.13	-24.34	-0.89
Utilities	7.59%	5.05	-0.39	-8.95	-0.68	-12.10	-0.94	-6.69	-0.65
Industrials	7.90%	1.97	0.13	-15.74	-1.42	-21.46	-1.93	-43.87	-4.33
Materials	6.94%	1.24	-0.09	-21.90	-1.73	-28.15	-2.31	-50.32	-4.83
Information Technology	2.42%	1.35	0.03	-8.62	-0.21	-12.16	-0.28	-4.16	-0.13
Energy	1.53%	7.83	0.11	-1.74	-0.03	-12.16	-0.18	-35.29	-0.58
Health Care	0.75%	0.79	0.01	-2.44	-0.02	-3.58	-0.03	-18.49	-0.12
Communication Services	0.08%	14.87	0.01	-25.01	-0.01	-39.02	-0.03	-53.65	-0.04
Not Classified	0.10%	5.69	0.00	-26.96	-0.01	-25.30	-0.01	-50.95	-0.02

(Nguồn: SSIAM, Bloomberg – tại ngày 31/12/2022)

Kinh tế vĩ mô năm 2022 ổn định bất chấp những trở ngại năm 2023

GDP của Việt Nam tăng 5,9% trong Q4'22 và tăng trưởng GDP thực tế hàng năm đạt 8% yoy với ngành dịch vụ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, đóng góp 3,4 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP trong Q4'22. Mặt khác, tăng trưởng trong lĩnh vực công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ (tăng trưởng +3,6% so với cùng kỳ trong Q4'22, so với 11,1% trước đó), với sản lượng sản xuất giảm tốc trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu chậm lại.

Mặc dù dữ liệu GDP năm 2022 tương đối khả quan, chúng tôi nhận thấy nhu cầu bên ngoài suy yếu sẽ là trở ngại lớn đối với hoạt động kinh tế ở Việt Nam trong các quý tới. Các ngành sản xuất và xuất khẩu trong nước đã bắt đầu ghi nhận áp lực suy thoái toàn cầu. Các ngành xuất khẩu có khả năng vẫn sẽ tiếp tục yếu cho đến giữa năm 2023. Mặt khác, trước những lợi ích mang lại từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, chúng tôi kỳ vọng hoạt động đầu tư và xây dựng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023. Với việc Trung Quốc mở cửa trở lại và du lịch nội địa trên đà phục hồi, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng cũng sẽ hỗ trợ cho sự tăng trưởng. Nhìn chung, chúng tôi tiếp tục lạc quan vào tiềm năng tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2023.

Trong số các ngân hàng lớn, **JPMorgan** dự báo GDP năm 2023 của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng 5,5%, **Goldman Sachs** 5,8% và **Bank of America** 6,5%.

NHNN: Áp lực lên đồng VND đã giảm đáng kể trong tháng 12 do đồng nội tệ được hưởng lợi từ việc đồng USD yếu hơn trong bối cảnh áp lực lạm phát trong nước giảm bớt. Chúng tôi cho rằng ưu tiên chính sách của NHNN có thể sẽ chuyển sang hướng giảm nhẹ ảnh hưởng của suy giảm tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề tồn đọng liên quan đến thị trường bất động sản và trái phiếu. Do đó, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ giữ nguyên các lãi suất điều hành trong thời gian tới, ngay cả khi lạm phát chung có thể sẽ cao hơn mục tiêu chính sách (4,5% vào năm 2023) trong những tháng tới.

Lạm phát: CPI tháng 12 ở mức -0,01% so với tháng trước nhưng vẫn ghi nhận ở mức cao, 4,54% yoy (so

với 4,37% trong tháng 11), lạm phát CPI cơ bản cũng đã tăng lên 4,99% so với 4,81% trước đó. Trước khả năng giá các loại dịch vụ tiện ích sẽ tăng trong năm 2023, và một số ưu đãi về thuế/phí hết hiệu lực, chúng tôi dự đoán mức lạm phát hàng tháng so với cùng kỳ năm trước sẽ tiếp tục vượt mức mục tiêu (4,5% trong năm 2023).

Doanh số bán lẻ tháng 12 giảm nhẹ, đạt 8,9% yoy so với mức 17,3% trong tháng 11, với mức tiêu thụ dịch vụ ổn định. Doanh thu bán lẻ hàng hóa giảm xuống 6,7% (so với 10,7% trong tháng 11) nhưng chủ yếu do ảnh hưởng của mức nền. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm còn 4% yoy (so với 45,7% trong tháng 11). Tiêu dùng dịch vụ & du lịch cũng giảm xuống mức 31,6% yoy (so với 47,7% trong tháng 11).

Sản xuất công nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng thấp, 0,2% yoy trong tháng 12 (so với 5,3% trong tháng 11). Cụ thể, đầu ra ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm xuống 0,6% từ 4,4% trong tháng 11, với sản lượng hàng điện tử và máy tính (-1,9% yoy) ghi nhận sự sụt giảm chính, cho thấy nhu cầu các sản phẩm điện tử toàn cầu đang suy yếu. Sản lượng máy móc, thiết bị tăng 42,3% yoy (so với 17,2% trong tháng 11)

Tăng trưởng **xuất khẩu** giảm -14% so với cùng kỳ (so với -8,9% trong tháng 11) do những trở ngại đến từ nhu cầu bên ngoài. Sản lượng xuất khẩu điện thoại di động, máy tính & sản phẩm điện tử có xu hướng giảm (lần lượt giảm -21,5% và -14,7% so với cùng kỳ), trong khi xuất khẩu của các mặt hàng truyền thống như dệt may giảm -21,1% so với cùng kỳ (so với -5% trong tháng 11) .

Tăng trưởng **nhập khẩu** cũng giảm xuống mức -8,1% (so với -7,7% trong tháng 11), do sản lượng nhập khẩu thiết bị điện tử giảm.

Do đó, **cán cân thương mại** giảm xuống còn 0,5 tỷ đô la (so với 0,7 tỷ đô la vào tháng 11).

PMI sản xuất tiếp tục giảm xuống 46,4 trong tháng 12 (so với 47,4 trong tháng 11).

Tăng trưởng FDI chậm. Tổng vốn FDI đăng ký giảm -18%. **Đầu tư công** tăng 20,8% yoy trong năm 2022. Tất cả các hoạt động kinh tế chính đều cho thấy dấu hiệu giảm nhẹ trong tháng 12, đặc biệt là đối với tăng trưởng sản xuất và xuất khẩu, do nhu cầu bên ngoài suy yếu tiếp tục gây áp lực lên nền kinh tế.

Lợi nhuận đầu tư đối với các loại tài sản:

Lãi/(lỗ) theo tài sản	Lãi/(lỗ) đã thực hiện	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện
Cổ phiếu	2.185.707.873	(37.536.363.023)
<i>Trong đó:</i>		
Vốn hóa lớn	1.459.670.819	(35.378.357.769)
Vốn hóa vừa	726.037.054	(2.158.005.254)
Vốn hóa nhỏ	-	-

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm

2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan tới quỹ hoán đổi danh mục. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, danh mục cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 66.898.780.200 đồng, chiếm 99,74% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Tiền gửi của Quỹ tại Ngân hàng giám sát là 80.946.376 đồng và 94.982.800 đồng là các tài sản khác (bao gồm các khoản phải thu và cổ tức được nhận).

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF SSIAM VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- Theo Báo cáo tài chính của Quỹ tính đến cuối năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là giảm 38,27% so với số liệu tại ngày 31/12/2021, thay đổi giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) của Quỹ là giảm 34,84%, thay đổi giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu giảm là 33,91% so với số liệu tại ngày 31/12/2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 66.893.727.787 đồng. Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ trong năm cao nhất vào ngày 04/01/2022 (19.296,10) và thấp nhất vào ngày 15/11/2022 (11.161,55).

- Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị tài sản ròng của 01 lô chứng chỉ Quỹ là 1.238.772.736 đồng, giá trị tài sản ròng của 01 chứng chỉ Quỹ là 12.387,72 đồng.

- Quỹ không có hoạt động repo.

- Trong kỳ Quỹ có hoạt động tái cấu trúc danh mục với tổng giá trị mua vào là 8.183.135.000 đồng và tổng giá trị bán ra là 8.841.761.700 đồng.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm 100.000 chứng chỉ Quỹ, tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 1.000.000.000 đồng.

- Mua lại 400.000 chứng chỉ Quỹ, tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 4.000.000.000 đồng.

- Số lượng Nhà đầu tư bao gồm cả Công ty Quản lý Quỹ và Người có liên quan tính đến ngày 31/12/2022 là 1180 Nhà Đầu tư trong đó công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ là 2 Nhà đầu tư, 19 Nhà đầu tư tổ chức và 1161 Nhà đầu tư cá nhân.

e) Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với tổng chi phí hoạt động
Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	-0,18%	-0,19%	4,69%
Giá dịch vụ Quản trị quỹ	-0,55%	-0,57%	14,06%

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với tổng chi phí hoạt động
Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	-0,14%	-0,14%	3,53%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quý: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quý

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1	Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000
2	Giá dịch vụ Quản trị quỹ	198.000.000
3	Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	49.732.673
	Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền	313.732.673

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trong kỳ báo cáo, các đơn vị nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), TE cho Quý đã duy trì đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động ủy quyền. Các hoạt động ủy quyền trong kỳ báo cáo đã được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư của Quý.

Đánh giá dịch vụ Quản trị quỹ

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng") hiện đang là đơn vị được ủy quyền hoạt động dịch vụ Quản trị quỹ. Các hệ thống hiện có để cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ có nhiều ưu điểm và được thiết lập cơ chế bảo mật do mỗi hệ thống khi thiết lập quyền truy cập đều có các nguyên tắc thiết lập mang tính bảo mật cao. Hệ thống kế toán và định giá chứng chỉ quỹ của Ngân hàng đã đáp ứng được yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ. Hệ thống này được cập nhật hai năm một lần bao gồm phát triển các tính năng mới và phát triển theo nhu cầu riêng của từng thị trường nên đã đáp ứng được các yêu cầu về hạch toán tại Việt Nam. Các hệ thống đều được lưu trữ dữ liệu hàng kỳ và có chương trình dự phòng thảm họa. Quy trình dự phòng thảm họa của Ngân hàng được thiết lập chi tiết, bài bản để khắc phục các thảm họa trong khoảng thời gian phù hợp nhất để đảm bảo hoạt động ít bị ảnh hưởng và các tổn thất là tối thiểu.

Dữ liệu được lưu trữ đúng theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam. Hệ thống lưu trữ thông tin của khách hàng luôn được bảo mật cao với cơ chế bảo mật tối đa. Ngoài dữ liệu dạng cứng, Ngân hàng còn thiết lập quy trình đảm bảo bảo mật thông tin một cách hiệu quả qua dữ liệu gửi qua email với các phương thức bảo mật như: tường lửa, yêu cầu xác nhận, thẩm quyền trong quá trình tương tác thông tin.

Hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng đảm bảo tất cả nhân viên của Ngân hàng tại các vị trí đều có trách nhiệm kiểm soát và tuân theo chính sách quản trị rủi ro. Các báo cáo chỉ số đánh giá hoạt động chính và báo cáo tiêu chuẩn kiểm soát chính được thực hiện hàng tháng và được xem xét bởi Ủy Ban Quản lý rủi ro tại các cuộc họp về rủi ro quản trị. Ngân hàng xây dựng các phương pháp nhằm hạn chế các rủi ro về hoạt động, rủi ro công nghệ, và rủi ro con người.

Đánh giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng ("VSD")

VSD đang là nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quý.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng quỹ hoán đổi danh mục của VSD có các tính năng đáp ứng các nhu cầu dịch vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng. Hệ thống có chức năng

phân quyền linh hoạt, có thiết kế mở cho phép kết nối với các hệ thống thành viên khác. Hệ thống đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nghiệp vụ Đại lý Chuyển Nhượng về việc Quản lý sổ nhà đầu tư, quản lý dữ liệu, phân bổ giao dịch và các hoạt động khác đáp ứng nhu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối, và Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ....

Quy trình lưu trữ dữ liệu và kế hoạch dự phòng dữ liệu đảm bảo quy trình được diễn ra thông suốt. Hệ thống máy chủ của dịch vụ được đặt tại Trụ sở chính Hà Nội. Hệ thống dự phòng được đặt tại chi nhánh của VSD tại TP. Hồ Chí Minh, đồng thời dữ liệu được sao lưu hàng ngày ra băng từ và được lưu trữ tại VSD và lưu trữ từ xa. Dữ liệu hàng ngày được đồng bộ từ hệ thống chính vào hệ thống dự phòng và được khởi động trong vòng 30 phút kể từ khi có sự cố xảy ra.

Đánh giá dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) và TE

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh hiện đang là tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã đáp ứng được các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật. Quy trình nghiệp vụ được thực hiện chính xác, giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) được công bố mười lăm giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã tính toán mức sai lệch đúng theo công thức quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đánh giá dịch vụ Đại Lý Phân Phối

Các Thành viên lập quỹ (TVLQ) kiêm Đại lý phân phối đều đáp ứng được yêu cầu về việc kết nối với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và nhà cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đảm bảo quy trình nghiệp vụ của TVLQ diễn ra thông suốt không bị gián đoạn. TVLQ đã đáp ứng được yêu cầu về quy trình ngăn giao dịch muộn, các quy trình về lưu trữ thông tin và bảo mật thông tin khách hàng.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC